

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TTE**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TTE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TTE INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108058118

**3. Ngày thành lập:** 15/11/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 3C, ngách 409/25 phố An Dương Vương, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0975593208

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống xây dựng khác: Thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, âm thanh, công trình lạnh công nghiệp, công trình xây dựng điện đến 35KV, hệ thống lò sưởi, điều hòa không khí và thông gió, hệ thống cơ khí, hệ thống camera quan sát, chống trộm, truyền hình cáp, truyền hình vệ tinh Parabol, báo cháy tự động, điện thoại, máy liên lạc và máy bộ đàm vô tuyến, tổng đài nội bộ, hệ thống truyền dữ liệu, hệ thống quản lý tòa nhà, hệ thống tiếp đất, chống sét, hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống cấp gas dầu, khí nén, hệ thống máy phát điện, hệ thống khí y tế, hệ thống xử lý nước ( trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) | 4329(Chính) |
| 2.  | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4513        |
| 3.  | Bán mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4541        |
| 4.  | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4542        |
| 5.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4543        |
| 6.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4530        |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4653        |
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4659        |

|     |                                                                                                                                     |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                            | 7320 |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299 |
| 11. | Quảng cáo                                                                                                                           | 7310 |
| 12. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                      | 2710 |
| 13. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                          | 2610 |
| 14. | Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp                                                                                              | 2821 |
| 15. | Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)                                                              | 2811 |
| 16. | Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại                                                                                       | 2822 |
| 17. | Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng                                                                                               | 2824 |
| 18. | Sản xuất máy chuyên dụng khác<br>Chi tiết: Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng                                                  | 2829 |
| 19. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                          | 3312 |
| 20. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                              | 3313 |
| 21. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                              | 3314 |
| 22. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                             | 3320 |
| 23. | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)                                           | 3315 |

**6. Vốn điều lệ:** 6.000.000.000 VNĐ

### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN VĂN TOÁN | thôn 9, Xã Nguyễn Huệ, Thị xã Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam                  | 3.000.000.000         | 50,000    | 022080000264                                                                                                                                      |         |
| 2   | VŨ VĂN TRỌNG    | 76 Thanh Ấm, Thị trấn Vân Đình, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam            | 3.000.000.000         | 50,000    | 017499176                                                                                                                                         |         |

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN TOÁN

Giới tính: Nam

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 02/06/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 022080000264

Ngày cấp: 15/09/2015

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn 9, Xã Nguyễn Huệ, Thị xã Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 3C, ngách 409/25 phố An Dương Vương, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội